

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 483/2023/DS-PT
Ngày 11-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài;
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Trung;
Ông Lê Sỹ Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023, về việc: “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2023/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 374/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Bà Điền Thị Ái L, sinh năm 1982; địa chỉ : ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà L: Ông Vũ Tiến N, sinh năm 1970; địa chỉ: số G, khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 27/4/2023); có mặt.

- Người kháng cáo: bị đơn bà Điền Thị Ái L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày: Bà Phạm Thị T với bà Điền Thị Ái L có mối quan hệ họ hàng. Do bà L cần tiền làm ăn nên vào ngày 23/10/2019, bà

L có vay của bà T số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền vay là 01 (một) tháng, không thỏa thuận lãi suất (bà L có thể chấp cho bà T một giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 033680, biển số 61H1-526.00 do bà L đứng tên. Việc bà L vay tiền của bà T, bà L có ký tên xác nhận vào giấy mượn nợ nêu trên. Sau đó, đến ngày 01/6/2021, bà L nhắn tin vay của bà T số tiền 600.000.000 đồng và kêu bà T viết giấy nợ sẵn, khi nào bà L tới nhận tiền sẽ ký tên. Trưa ngày 01/6/2021, bà L đến nhà nhận trước 500.000.000 đồng và ký tên, ghi họ tên và lấn tay vào hợp đồng vay tiền, đồng thời thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Điền Thị Ái L. Sau khi bà L nhận tiền và ra về, bà T nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L thế chấp là giả nên bà T điện thoại yêu cầu bà L thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác. Bà L hứa chiều sẽ mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ bà L để đổi lại và nhận thêm 100.000.000 đồng nhưng bà L không đến. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D tịch thu vì có kết luận của cơ quan chức năng là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là giả.

Tại phiên tòa, bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 100.000.000 đồng trong tổng số tiền 600.000.000 đồng được thể hiện tại hợp đồng cho vay tiền ngày 01/6/2021 đối với bị đơn. Tại phiên tòa, bà T xác định chỉ yêu cầu bà L thanh toán tổng số tiền 540.000.000 đồng (năm trăm bốn mươi triệu đồng) gồm: số tiền 40.000.000 đồng theo giấy mượn nợ ngày 23/10/2019 và số tiền 500.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay tiền ngày 01/6/2021. Bà T không yêu cầu tiền lãi đối với hai khoản tiền vay nêu trên đối với bà L. Đồng thời, bà T cũng thừa nhận hiện nay bà T đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 033680 do bà L đứng tên chủ sở hữu, bà T đồng ý giao trả lại cho bà L.

- *Bị đơn bà Điền Thị Ái L trình bày:* Ngày 23/10/2019, bà Điền Thị Ái L có mượn của bà Phạm Thị T số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn thanh toán cho bà T là 01 (một) tháng, không thỏa thuận lãi suất. Việc mượn tiền của bà T, bà L có ký tên xác nhận vào giấy mượn nợ, bà L có thể chấp bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 033680 do bà L đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên, vào khoảng tháng 4/2021 bà L đã thanh toán số tiền 40.000.000 đồng và số tiền lãi 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm ngàn đồng) cho bà T nhưng khi bà L yêu cầu bà T trả lại bản chính giấy mượn nợ ngày 23/10/2019 và bản chính giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 033680 cho bà L nhưng do bà T nói cất ở đâu chưa tìm thấy khi nào bà T tìm được sẽ giao trả lại cho bà L nhưng đến nay bà T vẫn chưa giao trả lại cho bà L. Đối với số tiền 600.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 01/6/2021 mà bà Thủy cung c thể hiện có chữ ký tên và chữ viết họ tên phía dưới mục “Đại diện bên B” (bên vay) thì bà L không thừa nhận là chữ ký tên và chữ viết họ tên Điền Thị Ái L, bà L chỉ thấy giống với chữ ký tên, chữ viết họ tên của bị đơn. Quá trình bà L làm việc tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, bà L cũng có yêu cầu đề nghị cơ quan chức năng giám định làm rõ chữ ký tên, chữ viết họ tên Điền Thị Ái L dưới mục “Đại diện bên B” để làm sáng tỏ vụ án. Ngoài ra, bà L còn giao nộp cho Tòa án chứng cứ là đơn có mất giấy tờ do bà L lập ngày 02/5/2021 và được Công an xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương xác nhận

vào ngày 28/6/2021 và một biểu mẫu giấy vay tiền không ghi ngày, tháng, năm được đánh máy sẵn một số nội dung, để trống nhiều chỗ để điền vào. Khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D có Quyết định số 32/QĐ-CSĐT ngày 04/8/2022 không khởi tố vụ án hình sự đối với vụ “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức và lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo đơn tố cáo của bà Phạm Thị T nên bà T dùng giấy mượn nợ ngày 23/10/2019 và hợp đồng cho vay tiền ngày 01/6/2021 để khởi kiện bà L tại Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng với yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả cho bà T tổng số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) thì bà L không đồng ý. Lý do, bà L cho rằng bà T nhật được mẫu giấy hợp đồng cho vay tiền có ký sẵn tên và ghi họ tên của bà Điền Thị Ái L, bà T tự ý ghi bà L vay số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu đồng) rồi làm căn cứ khởi kiện bà L là không đúng.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị đơn là ông N không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T và yêu cầu bà T trả lại bản chính giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 033680 cho bà L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2023/DS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của nguyên đơn bà Phạm Thị T đối với bị đơn bà Điền Thị Ái L.

1.1. Buộc bà Điền Thị Ái L trả cho bà Phạm Thị T số tiền 540.000.000 đồng (năm trăm bốn mươi triệu đồng).

1.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T đối với bị đơn bà Điền Thị Ái L về số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

1.3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc trả lại bản chính Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 033680, với tên chủ xe là Điền Thị Ái L, sinh năm 1982 do Công an huyện D, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Điền Thị Ái L.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25 tháng 8 năm 2023, bị đơn bà Điền Thị Ái L kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà Điền Thị Ái L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu bà Điền Thị Ái L trả số tiền vay 540.000.000 đồng tại giấy mượn nợ ngày 23/10/2019 và hợp đồng vay tiền lập ngày 01/6/2021. Bị đơn bà Điền Thị Ái L chỉ thừa nhận có vay của bà T số tiền 40.000.000 đồng nhưng đã trả, đối với số tiền 600.000.000 đồng bà L không vay của bà T.

Quá trình tố tụng, bà Thủy cung c chứng cứ là “Giấy mượn nợ” ngày 23/10/2019 có chữ ký và chữ viết ghi họ và tên Điền Thị Ái L bên dưới mục “Bên A”, với số tiền vay là 40.000.000 đồng và “Hợp đồng cho vay tiền” ngày 01/6/2021 có dấu vân tay, chữ ký và chữ viết Điền Thị Ái L bên dưới mục “Đại diện bên A” (bên vay), với số tiền 600.000.000 đồng. Bị đơn bà L cho rằng chữ ký và chữ viết họ tên trong “Giấy mượn nợ” và tại “Hợp đồng cho vay tiền” chỉ giống chữ ký và chữ viết họ tên của bà L, chứ không phải do bà L ký và viết.

Trước khi bà T khởi kiện bà L tại Tòa án, bà T đã có đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà L đến Công an huyện D, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã tiến hành trưng cầu giám định và lấy lời khai của bà L. Qua các tài liệu Tòa án cấp sơ thẩm thu thập được từ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D thể hiện: tại Kết luận giám định số 218/KL-KTHS(TL) ngày 11/5/2022 của Phòng K Công an tỉnh B đã kết luận: *Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay mang tên ‘Điền Thị Ái L’ bên dưới mục ‘Bên A’, ‘Đại diện bên B (bên vay) trên các tài liệu cần giám định là ‘Giấy mượn nợ’ và ‘Hợp đồng cho vay tiền’ so với chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay ngón cái trái, ngón trỏ phải của Điền Thị Ái L trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) do cùng một người ký, viết và in ra.* Tại Biên bản ghi lời khai ngày 16/8/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D (bút lục số 59), bà L trình bày: *“tại các lời khai làm việc trước đây với Cơ quan điều tra, tôi không khai nhận chữ ký, chữ viết, dấu vân tay dưới mục ‘Đại diện bên B’ (bên vay) trong hợp đồng cho vay tiền ngày 01/6/2021 là do tôi viết ký và in dấu vân tay ra vì tôi và bà T không có làm hợp đồng cho vay tiền ngày 01/6/2021 với số tiền tôi vay của bà T là 600.000.000 đồng. Nhưng khi có kết luận giám định xác định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay này là của tôi thì tôi đồng ý chấp nhận kết luận. Còn vì sao có hợp đồng cho vay tiền ngày 01/6/2021 để bà Thủy cung c cho cơ quan điều tra thì tôi không rõ, tôi không giải thích được”.*

Căn cứ Kết luận giám định số 218/KL-KTHS(TL) ngày 11/5/2022 của Phòng K Công an tỉnh B và lời khai của bà L tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công

an huyện D có đủ cơ sở khẳng định chữ ký, chữ viết họ tên Điền Thị Ái L trong “Giấy mượn nợ”; chữ ký, chữ viết họ tên Điền Thị Ái L và dấu vân tay trong “Hợp đồng cho vay tiền” do nguyên đơn cung cấp là của bà Điền Thị Ái L là bị đơn trong vụ án này. Do đó, chứng cứ nguyên đơn cung cấp có giá trị chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bà L trả cho bà T tiền vay 540.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn bà L trình bày có vay của nguyên đơn bà T số tiền 40.000.000 đồng nhưng bị đơn đã trả cho nguyên đơn vào khoảng tháng 4/2021 và số tiền lãi 1.600.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

Tại cấp sơ thẩm, bị đơn bà L cung cấp các tài liệu gồm: “Giấy vay tiền” và “Đơn có mất” giấy tờ ngày 02/5/2021. Theo đơn có mất, bà L trình bày đánh rơi một số giấy tờ và biểu mẫu là “Giấy vay tiền”. Tòa án nhận thấy, việc bà L làm mất biểu mẫu “Giấy vay tiền” nhưng không chứng minh được biểu mẫu “Giấy vay tiền” này do bà T nhặt được và làm chứng cứ khởi kiện bà L tại vụ án này. Chứng cứ của bà T kiện bà L là “Giấy mượn nợ” và “Hợp đồng cho vay tiền” không phải là “Giấy vay tiền” mà bà L làm rơi.

Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 100.000.000 đồng và nguyên đơn đồng ý giao trả lại cho bị đơn bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 033680, biển số 61H1-526.00, tên chủ sở hữu Điền Thị Ái L, các bên không kháng cáo nên không xem xét lại.

Tại cấp sơ thẩm, bị đơn yêu cầu giám định lại chữ ký, chữ viết họ tên Điền Thị Ái L tại “Giấy mượn nợ” và “Hợp đồng cho vay tiền” nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh Kết luận giám định số 218/KL-KTHS(TL) ngày 11/5/2022 của Phòng K Công an tỉnh B là không chính xác, có vi phạm pháp luật theo quy định tại khoản 5 Điều 102 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu giám định lại của bị đơn là có căn cứ.

[3] Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo bà L không có tài liệu, chứng cứ khác làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà L.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[5] Án phí phúc thẩm: kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Điền Thị Ái L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2. Án phí phúc thẩm: Bà Điền Thị Ái L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009300 ngày 25/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng;
- TAND huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính, Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài